

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ACECO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ACECO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ACECO SERVICE TRADE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ACECO SERVICE TRADE JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0316241072

**3. Ngày thành lập:** 20/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

38 Thép Mới, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn café; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm từ sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác; (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh)<br>(không hoạt động tại trụ sở) | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4633     |
| 3.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn vải; Bán buôn thảm, chăn mền, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4641     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục thể thao; Bán buôn đồ dùng khác trong gia đình chưa được phân vào đâu;                                                                                    | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 5.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ<br>(Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh)                                                                                                                                                                                                 | 4781 |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 7.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm( gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính. | 8559 |
| 8.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8560 |
| 9.  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5510 |
| 10. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: Nhà hàng, Quán ăn và hàng ăn uống ( trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5610 |
| 11. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới, tư vấn, định giá bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6820 |
| 12. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>(trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5022 |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6619 |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1812 |
| 15. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7710 |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 18. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7020 |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4931 |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ hoạt động vận tải, kho bãi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5229 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 21. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh) | 4711                                                                |
| 22. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa ( trừ đấu giá tài sản )                                                                                                                                                                                                                                       | 4610(Chính)                                                         |
| 23. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn hoa và cây; Bán buôn động vật sống; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (Gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                        | 4620                                                                |
| 24. | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>Chi tiết: Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì (không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                      | 4631                                                                |
| 25. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                                                                                  | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DIỆP MINH MINH | Khu phố Bàn Thạch, Phường Hòa Hương, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 205657166                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TỔNG THỊ THU   | Tổ 8A, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông         | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 101093901                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                  |                           |        |             |        |           |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 3 | HUỖNH THỊ NHỊ | Ấp Phú Giao, Thị Trấn Ngã Giao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 273409549 |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |           |
|   |               |                                                                                  |                           |        |             |        |           |
| 4 | VŨ THỊ THƯƠNG | Thôn Phú Dũng, Xã Phú Bình, Huyện Tân Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 272392449 |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |               |                                                                                  | Tổng số                   | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |           |
|   |               |                                                                                  |                           |        |             |        |           |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DIỆP MINH MINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 17/08/1992

Dân tộc: Hán

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 205657166

Ngày cấp: 27/06/2009

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Nam

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu phố Bàn Thạch, Phường Hòa Hương, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Khu phố Bàn Thạch, Phường Hòa Hương, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hồ Chí Minh